

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 26/4/2023
V/v yêu cầu không công nhận là vợ
chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Trần Thị Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bình.
2. Bà Trần Thị Nơi.

Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 392/2022/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc “yêu cầu không công nhận là vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXX-ST ngày 30 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2023/HNGĐ - QĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị B, sinh năm 1965.

Bị đơn: Anh Vũ Văn C, sinh năm 1962.

Đều trú tại: Tổ dân phố B, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

(Chị B, anh C đều có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị B trình bày.* Chị xây dựng hạnh phúc với anh C trên tinh thần tự nguyện, được hai gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương vào tháng 5/1997, không đăng ký kết hôn do không hiểu biết. Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do đôi bên tính tình không hợp, thường xuyên xô sát cãi cọ nhau. Mâu thuẫn giữa chị và anh C ngày càng căng thẳng. Chị và anh C sống ly thân với nhau từ tháng 4/2020 đến nay. Chị yêu cầu

Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh C. Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là Vũ Ngọc Q, sinh năm 1998 và Vũ Thị H, sinh năm 2002. Hiện hai con đã trưởng thành, tự lập về kinh tế nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Chị và anh C tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01/12/2022 bị đơn anh Vũ Văn C trình bày: Về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh chung sống như vợ chồng với Chị B và không có đăng ký kết hôn như Chị B trình bày là đúng. Quá trình chung sống giữa anh và Chị B thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau. Anh và Chị B sống ly thân nhau từ tháng 4/2020 đến nay. Nay Chị B xin ly hôn anh, anh cũng đồng ý. Anh đề nghị Tòa án xử cho anh và Chị B được ly hôn. Về con chung: Anh nhất trí với lời trình bày của Chị B về con chung, hiện hai con chung là Vũ Ngọc Q, sinh năm 1998 và Vũ Thị H, sinh năm 2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Anh và Chị B tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 21/3/2023 tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H thể hiện: Qua tra cứu sổ đăng ký kết hôn của Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H thì anh Vũ Ngọc C, sinh năm 1962 và chị Trần Thị B, sinh năm 1965 ở Tổ dân phố B, thị trấn H, huyện H chung sống với nhau từ năm 1997 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; về hôn nhân: cần xử không công nhận Chị B và anh C là vợ chồng; về nuôi con chung: Chị B và anh C có hai con chung là Vũ Ngọc Q, sinh năm 1998 và Vũ Thị H, sinh năm 2002, hiện hai con đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết; về tài sản chung: Chị B, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị B khởi kiện xin ly hôn với anh Vũ Văn C, nơi cư trú Tổ dân phố B, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình. Do Chị B, anh C không đăng ký kết hôn, vì vậy quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là “Yêu cầu không công nhận là vợ chồng”. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và

khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện H, tỉnh Thái Bình. Chị B, anh C đều có đơn xin xử vắng mặt, vì vậy Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt Chị B, anh C theo quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị B và anh C tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương từ tháng 04/1997 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa Chị B và anh C phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình và quan điểm sống bất đồng, thường xuyên cãi nhau. Chị B và anh C đã không chung sống cùng nhau từ tháng 4/2020 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy giữa Chị B, anh C đã xảy ra nhiều mâu thuẫn; anh C cũng đồng ý ly hôn, nhưng do hai bên không đăng ký kết hôn, vì vậy cần xử không công nhận Chị B và anh C là vợ chồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị B, anh C có hai con chung là Vũ Ngọc Q, sinh năm 1998 và Vũ Thị H, sinh năm 2002. Hiện nay 02 con đã trưởng thành và tự lập về kinh tế, Chị B và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét giải quyết.

[4] *Về chia tài sản chung*: Chị B, anh C tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Xử không công nhận chị Trần Thị B và anh Vũ Văn C là vợ chồng.

2. *Về nuôi con chung*: Chị B, anh C có hai con chung là Vũ Ngọc Q, sinh năm 1998 và Vũ Thị H, sinh năm 2002. Hiện nay 02 con đã trưởng thành và tự lập về kinh tế, nên không xem xét giải quyết.

3. *Về chia tài sản chung*: Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng Chị B đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005928 ngày 01-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thái Bình, Chị B đã nộp đủ tiền án phí.

5. Chị B, anh C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THA DS huyện H;
- UBND thị trấn H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Nhàn

